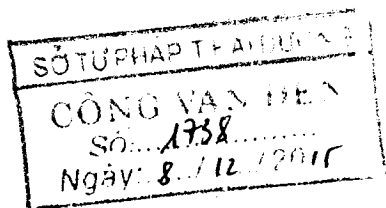


Số: **19** /2015/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 19 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

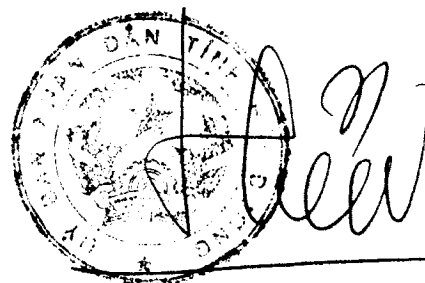
Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký, ban hành và thay thế Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, trưởng các Ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *uv*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (Ban ĐK-TT Trung ương);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- T. trực Tỉnh ủy, T. trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các P.Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các Ban của T.ủy; các Ban HĐND tỉnh;
- Ban Thi đua - Khen thưởng;
- T. trực HĐND huyện, T. phố, T. xã;
- Lưu: VT, N.chính V (80B) *th*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hiển

QUY ĐỊNH**Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 19 /2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Nội dung, phương pháp tổ chức thi đua; đối tượng thi đua, khen thưởng; danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; hồ sơ thủ tục khen thưởng, thẩm quyền quyết định khen thưởng, quyền và nghĩa vụ của tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua và công tác khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Hội đồng Khoa học, sáng kiến; quỹ thi đua khen thưởng.

2. Quy định này không quy định việc: Khen thưởng làng, khu dân cư văn hóa, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa, gia đình văn hóa; Khen thưởng doanh nghiệp tiêu biểu, doanh nhân giỏi; Xét tặng giải thưởng khoa học và công nghệ Côn Sơn; Giải Báo chí Nguyễn Lương Bằng; Giải Văn học nghệ thuật Côn Sơn; Khen thưởng Làng an toàn, Khu dân cư an toàn, cơ quan, doanh nghiệp an toàn về an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

3. Các nội dung đã quy định trong Luật Thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn của Trung ương thì không quy định trong quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tập thể, cá nhân trong các cơ quan nhà nước; các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các tập thể, cá nhân đang làm việc, sinh sống tại tỉnh hoặc ở nước ngoài, ngoài tỉnh nhưng có đóng góp quan trọng cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua: Tự nguyện, tự giác, đoàn kết hợp tác cùng phát triển. Các cá nhân, tập thể được quy định tại Điều 2 của quy định này đều có quyền và nghĩa vụ tham gia các phong trào thi đua, đăng ký giao ước thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

a) Khen thưởng thành tích đột xuất, khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề; khen thưởng công lao công hiến, không nhất thiết phải theo trình tự từ mức khen thấp đến mức khen cao; khen thưởng thành tích công tác hàng năm nhất thiết

phải từ mức khen thưởng thấp đến mức khen thưởng cao. Thành tích khen thưởng phải rõ ràng, cụ thể, đạt được ở mức độ nào thì khen thưởng ở mức độ đó. Trong một năm một đối tượng chỉ nhận một hình thức khen thưởng tương xứng với thành tích đạt được.

b) Chú trọng khen thưởng cá nhân trực tiếp lao động sản xuất và đơn vị cơ sở; các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh; khen thưởng gương người tốt việc tốt, hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản; các cá nhân công tác ở các lĩnh vực khó khăn, độc hại, nguy hiểm; cá nhân, tập thể từ yếu kém vươn lên. Kết hợp khen thưởng động viên về tinh thần và vật chất;

c) Khen thưởng thành tích công tác năm chỉ áp dụng đối với các đơn vị được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao kế hoạch hằng năm và các cá nhân trong đơn vị đó. Các đơn vị trên địa bàn nhưng trực thuộc các Bộ, ngành Trung ương, do Bộ, ngành Trung ương công nhận danh hiệu thi đua và quyết định khen thưởng hằng năm.

d) Khen thưởng đối với cá nhân mà Luật Thi đua, Khen quy định “hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” là căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức hiện hành; đối với tập thể có tổ chức Đảng trong năm hoặc trong giai đoạn trình khen thì tổ chức Đảng đó phải được đánh giá từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Đối với cá nhân không thuộc đối tượng áp dụng Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị thống nhất xem xét, đề nghị khen thưởng.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động, chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong toàn tỉnh.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tư vấn, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có nhiệm vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức và hướng dẫn tổ chức tốt phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm chỉ đạo các phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương, đơn vị mình; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phong trào thi đua, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và của tỉnh.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp trong tỉnh, trong phạm vi chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình, giám sát việc thực hiện quy định về

thi đua, khen thưởng và kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định thực hiện công tác thi đua, khen thưởng.

Phối hợp với cơ quan nhà nước phát động, hưởng ứng và tuyên truyền vận động nhân dân tham gia thực hiện tốt nội dung thi đua do tỉnh, Trung ương phát động.

4. Các cơ quan thông tin tuyên truyền của tỉnh, của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thường xuyên theo dõi, tuyên truyền, cổ động phong trào thi đua và nêu gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt, đồng thời phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 5. Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến

1. Đối tượng xét tặng ở cấp tỉnh, gồm: Các phòng, ban và tương đương thuộc Sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;

2. Đối tượng xét tặng ở cấp huyện, gồm: Các phòng, ban, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

3. Đối tượng xét tặng ở đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, gồm: Các khoa, phòng và tương đương.

4. Đối tượng xét tặng ở doanh nghiệp: Phòng, ban, xí nghiệp, phân xưởng.

Điều 6. Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc

1. Đối tượng được xét tặng danh hiệu: Được lựa chọn trong số các đơn vị đạt Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến tại Điều 5 của Quy định này.

2. Tỷ lệ xét tặng danh hiệu:

a) Cơ quan hành chính: Không quá 20% trong tổng số đơn vị trực thuộc đạt danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến;

b) Đơn vị sự nghiệp: Không quá 15% trong tổng số đơn vị trực thuộc đạt danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến;

c) Doanh nghiệp: Không quá 10% trong tổng số đơn vị trực thuộc đạt danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến.

Điều 7. Danh hiệu Cờ thi đua

1. Đối tượng xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ

a) Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị hưởng lương từ ngân sách tỉnh trong các khối thi đua được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, khi tổng kết năm, được Khối thi đua bình xét, suy tôn đơn vị xếp thứ Nhất của khối được đề nghị Chính phủ tặng Cờ thi đua;

b) Đơn vị tiêu biểu xuất sắc nhất lựa chọn trong các Khối thi đua xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thành phố, thị xã;

c) Đơn vị tiêu biểu xuất sắc nhất thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh.

2. Đối tượng xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Đơn vị được bình xét, suy tôn xếp thứ Nhì các Khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập;

b) Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh có nhiều đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, tổ chức chia cụm, khối thi đua, ký kết giao ước thi đua, có xây dựng quy chế hoạt động, khi kết thúc năm công tác, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh tổ chức chấm điểm, bình xét, xếp hạng thi đua của cụm, khối và suy tôn đơn vị dẫn đầu đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua, cụ thể:

- Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh có từ 07 đơn vị trực thuộc trở lên được bình xét, đề nghị 01 Cờ.

- Sở Giáo dục và Đào tạo được đề nghị 02 Cờ, gồm: Khối các trường trung học phổ thông 01 Cờ; Khối các Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp Hướng nghiệp dạy nghề 01 Cờ;

- Sở Y tế được đề nghị 02 Cờ, gồm: Khối các Bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm tuyến tỉnh và chi cục: 01 Cờ; Khối Trung tâm Y tế tuyến huyện và bệnh viện tuyến huyện, thành phố, thị xã: 01 Cờ;

c) Đơn vị dẫn đầu Khối thi đua: Trung học cơ sở; Tiểu học; Mầm non thuộc các huyện, thành phố, thị xã (01 Cờ/khối thi đua/huyện);

d) Đơn vị dẫn đầu Khối thi đua: Xã, thị trấn thuộc huyện (01 Cờ/huyện);

đ) Đơn vị dẫn đầu các khối trong phong trào thi đua quyết thắng của lực lượng vũ trang: Khối huyện; khối xã; Khối đơn vị tự vệ cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (01 cờ/khối).

e) Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua bảo vệ an ninh tổ quốc Khối huyện; Khối xã; Khối cơ quan, doanh nghiệp thuộc tỉnh (01 Cờ/khối);

g) Xã dẫn đầu toàn tỉnh trong phong trào xây dựng nông thôn mới do Ban Chỉ đạo tỉnh về xây dựng nông thôn mới xét, chọn và đề nghị.

Điều 8. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong số những cá nhân 03 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và có một trong các điều kiện sau:

1. Được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cấp Bằng Lao động sáng tạo;
2. Là tác giả, đồng tác giả của sáng kiến, giải pháp đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh;
3. Là tác giả, đồng tác giả của công trình, giải pháp đạt giải thưởng Khoa học và Công nghệ Côn Sơn;
4. Là tác giả hoặc đồng tác giả của các giải thưởng cấp Nhà nước;
5. Là Chủ nhiệm, Thư ký của đề tài, giải pháp, sáng kiến cấp tỉnh được Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định công nhận.

Điều 9. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Được tặng thưởng cho các đối tượng sau:

1. Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, có hành động mưu trí dũng cảm cứu người, cứu tài sản; gương người tốt, việc tốt; tập thể, cá nhân đạt Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích các giải trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn quốc tế; giải

nhất, nhì, ba cấp quốc gia; giải nhất, nhì khu vực liên tỉnh trong nước và giải nhất chuyên ngành cấp tỉnh (khen thưởng đột xuất).

2. Cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh và nước ngoài có nhiều công lao đóng góp xây dựng và phát triển tỉnh Hải Dương.

3. Đơn vị xếp thứ 3 trong Khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; Xã xếp thứ Nhì phong trào thi đua của Khối huyện, thành phố, thị xã (khen thành tích công tác năm).

4. Tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc trong thực hiện các Chuyên đề: Chương trình mục tiêu quốc gia, các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương Đảng, pháp luật của nhà nước, Nghị định của Chính phủ; Nghị quyết, Chỉ thị của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các đợt thi đua theo chuyên đề, các nhiệm vụ đột xuất của tỉnh.

5. Khen thưởng thành tích công tác năm

a) Đối tượng: Các tập thể, cá nhân thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị, doanh nghiệp thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác trong năm và đạt tiêu chuẩn theo quy định.

b) Tỷ lệ xét khen:

- Đối với tập thể: Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; các đơn vị doanh nghiệp xét, đề nghị không quá 10% tổng số các đơn vị trực thuộc đạt tiêu chuẩn quy định.

- Đối với cá nhân: Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã xét, đề nghị không quá 10%; các đơn vị doanh nghiệp xét tặng không quá 5%, trong số các cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định.

6. Tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương, có đóng góp công sức, đất đai, tài sản cho địa phương, xã hội, giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

7. Các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh.

Chương III

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG, HỘI ĐỒNG KHOA HỌC, SÁNG KIẾN

Điều 10. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng sở, ban, ngành, đoàn thể

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của sở, ban, ngành, đoàn thể, hội tỉnh, là cơ quan tham mưu, tư vấn cho thủ trưởng ban, ngành, đoàn thể, hội thuộc tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Cơ cấu của Hội đồng, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể, hội thuộc tỉnh;
- Từ 01 đến 02 Phó Chủ tịch Hội đồng: Là cấp phó thường trực của người đứng đầu, cơ quan, tổ chức và Chủ tịch công đoàn cùng cấp;

- Các thành viên Hội đồng: Là lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; đại diện cho tổ chức đoàn thể cùng cấp do thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể, hội quyết định.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp sở, ban, ngành, đoàn thể, hội thuộc tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Định kỳ đánh giá tình hình thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước từng năm và trong từng giai đoạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

c) Tham mưu, tư vấn cho thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể, hội xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của cơ quan, đơn vị hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

4. Văn phòng (hoặc đơn vị tương đương) là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp sở, ban, ngành, đoàn thể, hội thuộc tỉnh.

Điều 11. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, thành phố, thị xã

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, thành phố, thị xã là cơ quan tham mưu, tư vấn giúp việc cho cấp ủy Đảng, chính quyền cấp huyện về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Cơ cấu của Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng, gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã phụ trách lĩnh vực văn hóa - xã hội và Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thành phố, thị xã.

c) Các thành viên Hội đồng: Có 09 hoặc 11 thành viên là cấp trưởng các đoàn thể và phòng, ban có liên quan, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã quyết định; Trưởng Phòng Nội vụ là Ủy viên thường trực.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, thành phố, thị xã có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Định kỳ đánh giá tình hình thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn của địa phương.

b) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng của địa phương

c) Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã xem xét, quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng;

4. Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, thành phố, thị xã.

Điều 12. Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp cơ sở

1. Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp cơ sở do thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” quyết định thành lập, thành phần của Hội đồng gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng: Là thủ trưởng cơ quan, đơn vị;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Là các Phó thủ trưởng cơ quan, đơn vị;
- c) Ủy viên Hội đồng: Là đại diện lãnh đạo các phòng, ban và các thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định.

2. Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp cơ sở có nhiệm vụ xem xét, thẩm định, đánh giá, công nhận bằng văn bản các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác hoặc áp dụng công nghệ mới có hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng trong cơ quan, đơn vị. Kết quả công nhận của Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp cơ sở là một trong các căn cứ để xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

3. Văn phòng (hoặc đơn vị có chức năng tương đương) là cơ quan có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp cơ sở, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng và tập hợp, đề xuất Hội đồng thẩm định, công nhận các sáng kiến.

Chương IV

HỒ SƠ THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ VÀ TUYẾN TRÌNH KHEN THƯỞNG

Điều 13. Trách nhiệm xét duyệt hồ sơ khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước do Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định thành tích, đề xuất Giám đốc Sở Nội vụ báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét, trình Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước xem xét quyết định.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định thành tích, báo cáo Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận Tờ trình của Giám đốc Sở Nội vụ, thẩm tra và báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các Sở, ngành, địa phương, đơn vị có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ khen thưởng báo cáo thủ trưởng cơ quan, đơn vị lập tờ trình, kèm theo hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ để thẩm định theo quy định.

Điều 14. Hồ sơ, thủ tục đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng

1. Đối với khen thưởng thành tích công tác năm, hồ sơ gồm:
 - a) Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương;
 - b) Biên bản cuộc họp xét thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình khen.

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

d) Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” phải gửi bản sao quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” trong 3 năm; quyết định công nhận sáng kiến của Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến của đơn vị đơn vị. Đối với tập thể, cá nhân đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng phải gửi bản sao các quyết định khen thưởng (hoặc xác nhận đã được nhận các danh hiệu và hình thức khen thưởng của thủ trưởng cơ quan, đơn vị) liên quan để làm căn cứ xét khen thưởng.

2. Đối với khen thưởng theo đợt hoặc chuyên đề, hồ sơ gồm;

a) Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương;

b) Biên bản cuộc họp xét duyệt thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen.

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng trong phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề; trường hợp đề nghị khen thưởng cho đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức ngành, địa phương khác phải có ý kiến xác nhận đồng ý bằng văn bản của thủ trưởng đơn vị quản lý trực thuộc đối với cá nhân đó;

d) Kế hoạch, chỉ đạo của Trung ương, bộ, ngành, tỉnh về việc sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề, đồng thời gửi kèm báo cáo sơ kết, tổng kết phong trào, chuyên đề của đơn vị.

3. Đối với khen thưởng đột xuất, hồ sơ gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương ghi rõ hành động, thành tích đề nghị khen thưởng

b) Biên bản cuộc họp xét duyệt thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen.

c) Tóm tắt thành tích các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng nêu thành tích xuất sắc đột xuất đã đạt được.

4. Khen thưởng tổng kết cụm, khối thi đua của tỉnh, hồ sơ gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của Khối trưởng Khối thi đua;

b) Biên bản cuộc họp xét duyệt của Cụm, Khối thi đua có ghi kết quả chấm điểm, xếp hạng thi đua;

c) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị khen thưởng.

5. Khen thưởng thành tích đối ngoại, hồ sơ gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương;

b) Biên bản cuộc họp xét duyệt của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen;

c) Tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng;

6. Số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng: 01 bộ;

b) Hồ sơ đề nghị cấp Nhà nước khen thưởng: 05 bộ.

Điều 15. Quy định về tuyển trình

1. Các tổ chức, cá nhân không thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của ngành, của địa phương mà có thành tích hoặc có nhiều đóng góp cho ngành, cho địa phương thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương, thủ trưởng các ngành; Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng.

2. Các Ngành, địa phương được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì phát động thi đua theo chuyên đề thì chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) hướng dẫn về tiêu chuẩn và đối tượng khen thưởng. Đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải được xét chọn trong số tập thể, cá nhân có thành tích thật sự tiêu biểu và được trưởng Ban chỉ đạo hoặc Ban tổ chức thực hiện chuyên đề đó đồng ý.

3. Tập thể, cá nhân có hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm; thành tích được lập trong phạm vi địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng (không phân biệt người đó trong hay ngoài địa phương, đơn vị).

4. Trường hợp khen thưởng theo chuyên đề của các Hội Xã hội nghề nghiệp, do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh xin ý kiến các cơ quan liên quan và đề nghị khen thưởng đối với các hội thành viên. Các hội khác có thể đề nghị trực tiếp nhưng phải có xác nhận đề nghị của thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động của Hội đó.

5. Đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong các khu công nghiệp, do Ban Quản lý các khu công nghiệp đề nghị khen thưởng; ngoài khu công nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị khen thưởng.

6. Việc lấy ý kiến xác nhận thành tích đề nghị khen thưởng, do cơ quan đề nghị khen thưởng thực hiện, trường hợp cần thiết do Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ thực hiện. Trong 05 ngày làm việc (Kể từ ngày nhận được văn bản), các cơ quan được xin ý kiến xác nhận thành tích phải có văn bản trả lời việc đồng ý, không đồng ý (nêu rõ lý do), để hoàn thiện thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định khen thưởng.

7. Trường hợp các đơn vị thuộc ngành dọc Trung ương đề nghị khen thưởng cấp Bộ, cấp Nhà nước cần hiệp ý thì Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định báo cáo Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản cụ thể.

Điều 16. Thời gian trình và trách nhiệm thụ lý giải quyết

1. Thời gian trình:

a) Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng hàng năm gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ từ ngày 25 tháng 12 đến ngày 31 tháng 01 năm sau; khen thưởng theo năm học của ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

b) Trường hợp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng tổng kết các chương trình mục tiêu (khen chuyên đề) thì gửi hồ sơ trước ngày trao

thường ít nhất 15 ngày làm việc; trường hợp đề nghị khen thưởng đột xuất thì thời gian gửi hồ sơ chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngày thành tích được xác lập.

2. Trách nhiệm thụ lý giải quyết

a) Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ có trách nhiệm thụ lý, thẩm định hồ sơ báo cáo Giám đốc Sở Nội vụ lập tờ trình, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ phải thông báo, trả lại cho đơn vị đề nghị trong thời hạn 03 ngày làm việc;

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận Tờ trình của Giám đốc Sở Nội vụ, thẩm tra và đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lại đơn vị trình trong thời hạn 03 ngày làm việc;

c) Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ cấp hiện vật (Cờ thi đua, Bằng khen, Bằng công nhận Danh hiệu...) và tiền thưởng trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

CHƯƠNG V QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG VÀ MỨC THƯỞNG

Điều 17. Quỹ thi đua khen thưởng của các địa phương, đơn vị

1. Quỹ thi đua khen thưởng của Ủy ban nhân dân các cấp được trích lập theo quy định tại Khoản 2, Điều 67, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

2. Quỹ thi đua khen thưởng của Sở, Ban, ngành, đơn vị sự nghiệp (đơn vị dự toán) được trích từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hằng năm của đơn vị với mức tối đa 1% so với tổng quỹ lương trong biên chế được giao của đơn vị và các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Quỹ thi đua khen thưởng của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước (căn cứ tính chất hoạt động của từng tổ chức và khả năng nguồn ngân sách của tỉnh, Sở Tài chính thống nhất tỷ lệ cấp hàng năm) và từ nguồn đóng góp khác của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài, các nguồn thu hợp pháp khác.

4. Quỹ thi đua khen thưởng của các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội; xã hội - nghề nghiệp; các doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện theo khoản 4; khoản 5; khoản 6; khoản 7, Điều 67, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Điều 18. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Chi thưởng theo các quyết định khen thưởng;
2. Chi in giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, viết bằng, khung bằng, thêu cờ, hiện vật khen thưởng và các loại vật tư chuyên dùng cho khen thưởng;
3. Chi công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua;
4. Mức chi thực hiện theo quy định tài chính hiện hành.

Điều 19. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua khen thưởng của tỉnh:

Quỹ thi đua khen thưởng tỉnh được lập và đặt tại Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ thi đua, khen thưởng của tỉnh theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp huyện do cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện quản lý; Quỹ thi đua khen thưởng của các sở, ngành, đơn vị do Thủ trưởng cơ quan đơn vị quản lý; Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; nguồn và tỷ lệ trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc thanh, quyết toán theo số chi thực tế và số dư cuối năm được chuyển cho năm sau.

2. Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước do Ủy ban nhân dân tỉnh trình khen thưởng được chi từ Quỹ thi đua khen thưởng tỉnh.

3. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một đối tượng khen thưởng nếu vừa đạt các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác nhau thì chỉ được nhận tiền thưởng hoặc vật phẩm lưu niệm kèm theo đối với mức thưởng cao nhất.

Trong cùng một thời điểm, một tập thể, hoặc cá nhân đạt nhiều danh hiệu, nhiều hình thức khen thưởng có tiêu chuẩn về thời gian cống hiến và thành tích đạt được khác nhau, thì được nhận tiền thưởng của tất cả các danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng đó.

4. Cá nhân, tổ chức có thành tích tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội dưới hình thức tự nguyện; người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, tập thể người nước ngoài có thành tích, có đóng góp cho địa phương được khen thưởng nhưng không kèm theo tiền thưởng mà kèm theo tặng phẩm lưu niệm với giá trị tương ứng.

5. Khen thưởng các chương trình mục tiêu được trích từ nguồn kinh phí hoạt động riêng, trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không được trích thưởng thì chi thưởng từ quỹ thi đua khen thưởng.

Điều 20. Khen thưởng khuyến khích

Tập thể, cá nhân trong tỉnh đoạt giải trên các lĩnh vực: Văn hóa - Nghệ thuật; Thể dục thể thao; Giáo dục và Đào tạo; Khoa học và Công nghệ được hưởng mức tiền thưởng khuyến khích như sau:

1. Đoạt giải quốc tế mang tính toàn cầu

a) Giải Nhất hoặc Huy chương Vàng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 30 lần mức lương tối thiểu chung;

b) Giải Nhì hoặc Huy chương Bạc được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 20 lần mức lương tối thiểu chung;

c) Giải Ba hoặc Huy chương Đồng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 15 lần mức lương tối thiểu chung;

d) Giải Khuyến khích được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 10 lần mức lương tối thiểu chung.

2. Đoạt giải quốc tế khu vực Châu Á hoặc vô địch khu vực Châu Á, Châu Á - Thái Bình Dương:

a) Giải Nhất hoặc Huy chương Vàng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 20 lần mức lương tối thiểu chung;

b) Giải Nhì hoặc Huy chương Bạc được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 15 lần mức lương tối thiểu chung;

c) Giải Ba hoặc Huy chương Đồng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 10 lần mức lương tối thiểu chung;

d) Giải Khuyến khích được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 05 lần mức lương tối thiểu chung.

3. Đoạt giải quốc tế khu vực các nước Đông Nam Á (ASEAN):

a) Giải Nhất hoặc Huy chương Vàng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 15 lần mức lương tối thiểu chung;

b) Giải Nhì hoặc Huy chương Bạc được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 10 lần mức lương tối thiểu chung;

c) Giải Ba hoặc Huy chương Đồng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 05 lần mức lương tối thiểu chung;

d) Giải Khuyến khích được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 02 lần mức lương tối thiểu chung.

4. Đoạt giải Quốc gia:

a) Giải Nhất hoặc Huy chương Vàng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 10 lần mức lương tối thiểu chung đối với đồng đội; 05 lần đối với cá nhân. Đối với thể dục thể thao, vận động viên thi đấu đạt thành tích phá kỷ lục Quốc gia, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen và tiền thưởng bằng 15 lần mức lương tối thiểu chung đối với đồng đội, 10 lần đối với cá nhân.

b) Giải Nhì hoặc Huy chương Bạc được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 07 lần mức lương tối thiểu chung đối với đồng đội; 03 lần đối với cá nhân;

c) Giải Ba hoặc Huy chương Đồng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 05 lần mức lương tối thiểu chung đối với đồng đội; 02 lần đối với cá nhân;

d) Giải Khuyến khích được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thưởng tiền bằng 02 lần mức lương tối thiểu chung đối với đồng đội; 01 lần đối với cá nhân.

5. Đoạt giải Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc, các giải vô địch trẻ quốc gia, Giải thể thao người khuyết tật:

a) Giải Nhất hoặc Huy chương Vàng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 04 lần mức lương tối thiểu chung đối với đồng đội; 02 lần đối với cá nhân;

b) Giải Nhì hoặc Huy chương Bạc được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 03 lần mức lương tối thiểu chung đối với đồng đội; 01 lần đối với cá nhân;

c) Giải Ba hoặc Huy chương Đồng được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và tiền thưởng bằng 2,0 lần mức lương tối thiểu chung đối với đồng đội; 0,5 lần đối với cá nhân.

6. Một số quy định cụ thể:

a) Trong cùng một giải, cùng một cuộc thi nếu cá nhân đoạt được nhiều giải thưởng, hoặc nhiều huy chương, sẽ được nhận tiền thưởng của giải cao nhất cộng với một nửa tổng số tiền thưởng của tất cả các giải thưởng đoạt được, nhưng tổng số tiền thưởng không vượt quá hai lần tiền thưởng của giải cao nhất.

b) Đối với những môn thi đấu tập thể như bóng đá, bóng chuyền thì tiền thưởng của đội đoạt Huy chương bằng 2/3 số tiền thưởng khuyến khích quy định cho cá nhân đoạt Huy chương nhân với tổng số thành viên thi đấu trong đội mà luật thi đấu môn đó quy định; Giải đấu đôi mức thưởng cho từng người bằng 2/3 mức thưởng so với cá nhân;

c) Vận động viên đoạt giải đồng đội tại các giải thi đấu Quốc tế được thưởng bằng 1/2 mức thưởng của giải cá nhân;

d) Huấn luyện viên, Giáo viên có công trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng tập thể và cá nhân đoạt giải, được thưởng bằng 1/2 số tiền thưởng của tất cả các Huy chương, giải thưởng mà Vận động viên, hoặc học sinh giành được nhưng tổng số tiền thưởng không vượt quá hai lần tiền thưởng giải cao nhất.

đ) Đối với các giải Quốc tế thuộc lĩnh vực thể dục thể thao, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ khen các giải tổ chức theo định kỳ, gồm: Thế vận hội Olympic; Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD); Đại hội thể thao Đông Nam Á (Sea Games).

e) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các đơn vị xếp thứ Ba các Khối thi đua cấp tỉnh (Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập) thì mức tiền thưởng bằng 50% mức tiền thưởng kèm theo Cờ Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Tiền thưởng kèm theo Bằng khen đối với các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất, gương người tốt, việc tốt, có hành động dũng cảm; học sinh thi đoạt giải cao từ giải Nhất cấp tỉnh trở lên và các tập thể, giáo viên có công bồi dưỡng học sinh đoạt giải, tùy theo thành tích đạt được và phạm vi tác dụng nơi gương do Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong từng trường hợp cụ thể.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nội vụ tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập các Khối thi đua; kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy định này.

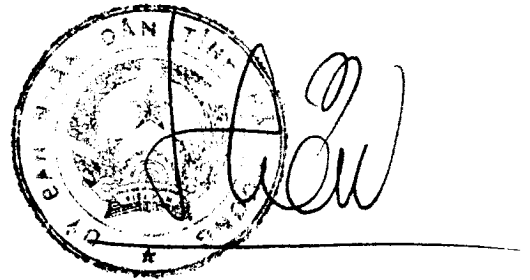
2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh kiểm tra và tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn.

3. Sở Tài chính hướng dẫn việc lập Quỹ, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua khen thưởng ở các cấp trong tỉnh.

4. Các Sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã căn cứ quy định của pháp luật về Thi đua khen thưởng và Quy định này để ban hành Quy định thực hiện công tác thi đua khen thưởng tại cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (Qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hiển